



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0106973513**

Vốn điều lệ: **55.000.000.000** đồng

Địa chỉ: 8C Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số điện thoại: **043.8257.670**

Số fax: **043.9332.892**

Website:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Theo Quyết định số 3782/QĐ - UBND ngày 07/08/2015, Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm – đơn vị trực thuộc Công ty Nước sạch Hà Nội đã chuyển đổi thành Công ty CP SXKD nước sạch số 3 Hà Nội.

Ngày 01/09/2015, Sở Kế hoạch đầu tư đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty CP SXKD nước sạch số 3 HN.

Theo kế hoạch cổ phần hóa Xí nghiệp KDNS Hoàn Kiếm, Tổ giúp việc cổ phần hóa đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất vào ngày 25/07/2015 thành công. Qua cuộc họp, đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP SXKD nước sạch số 3 HN và ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi điều lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Thống nhất Vốn điều lệ và cổ đông của công ty;
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của công ty;
- Thống nhất kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị gồm 3 người là: ông Trịnh Kim Giang, ông Nguyễn Đình Tiến và ông Đỗ Phương Nam, 3 thành viên của Ban kiểm soát là: Bà Đào Thanh Thủy, bà Đặng Thu Hải và bà Nguyễn Thị Thu Hiền;
- Thống nhất Tổng mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và giao HĐQT xem xét, quyết định chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh của công ty;
- Thông qua danh sách công ty kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT chủ động tiến hành đàm phán và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2015 cho công ty Nước sạch số 3 HN.

Ngay trong thời lượng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty nước sạch số 3 HN đã tiến hành phiên họp Hội đồng quản trị đầu tiên và đã bầu ra Chủ tịch HĐQT là ông Trịnh Kim Giang.

Kể từ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất 25/07/2015 đến ngày chốt danh



sách cổ đông 29/02/2016, số lượng và cơ cấu cổ đông của Công ty không thay đổi (tổng số là 144 cổ đông).

Giao dịch chuyển nhượng cổ phần đến ngày chốt danh sách 29/02/2016: 01 giao dịch

- Số lượng cổ phần giao dịch chuyển nhượng: 60.000 cổ phần
- Người chuyển nhượng: Nguyễn Kim Tô
- Người nhận chuyển nhượng: Bùi Thu Hà.

⚡ **Cơ cấu bộ máy tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần**

➤ **Hội đồng quản trị**

Ông Trịnh Kim Giang – Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Đình Tiến – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Ông Đỗ Phương Nam – Thành viên HĐQT

➤ **Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Trưởng ban

Bà Đặng Thu Hải – Thành viên

Bà Đào Thanh Thủy – Thành viên

➤ **Ban lãnh đạo Công ty**

1. Ông Nguyễn Đình Tiến – Giám đốc

2. Ông Phạm Việt Anh - Phó Giám đốc kỹ thuật

3. Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Phó giám đốc KD kiêm Chủ tịch Công đoàn

➤ **Phòng ban chức năng**

Ông Nguyễn Quang Đức – Trưởng phòng TCHC

Bà Dương Tú Phương – Trưởng phòng KHKT

Bà Vũ Thúy Hà – Kế toán trưởng

Bà Phan Minh Thuận – Trưởng phòng KD

➤ **Đội Xây lắp**

Ông Nguyễn Trung Hòa – Đội trưởng

➤ **Đội quản lý địa bàn**

Bà Nguyễn Thu Hương - Đội trưởng đội 1

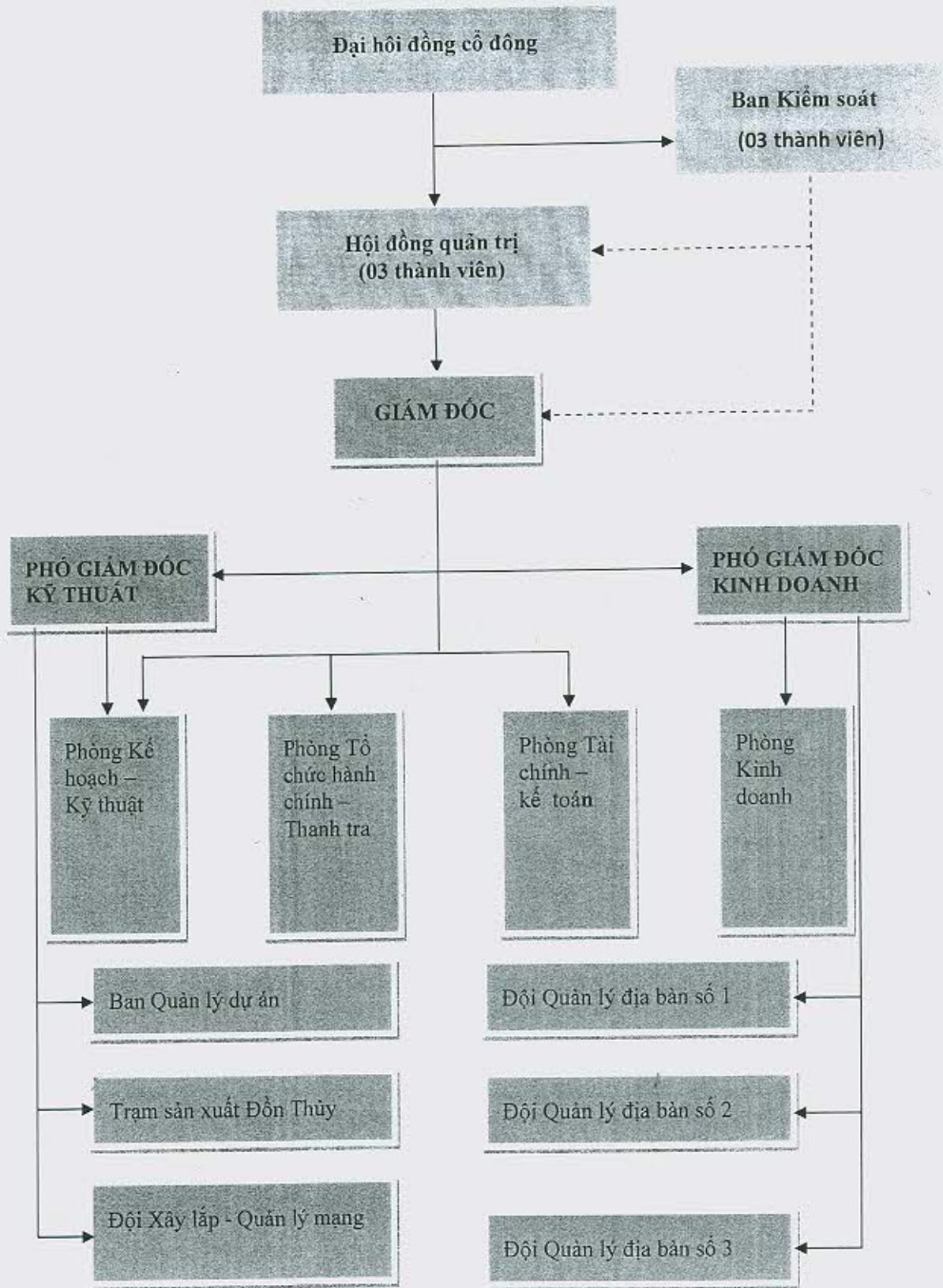
Ông Lê Văn Luyện – Đội trưởng đội 2

Bà Trần Xuân Thủy – Đội trưởng đội 3

➤ **Trạm sản xuất Đồn Thủy**

Ông Trịnh Ba Duy – Trạm trưởng

Sơ đồ tổ chức



III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

1. Mục tiêu hoạt động năm 2015

Trong năm 2015 vừa qua thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước theo định hướng của Chính phủ Công ty CP nước sạch số 3 Hà nội đã đưa ra mục tiêu sau :

- Tăng trưởng doanh thu bình quân đạt **10%** /năm (do tác động của việc tăng giá nước);
- Tỷ lệ nước thu tiền đạt **76 %**;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt **10 - 15%**;
- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ đạt **9 - 12%**;
- Tạo việc làm ổn định cho người lao động, Thu nhập bình quân của người lao động đạt **9.500.000 - 10.000.000** đồng/người/tháng;
- Sắp xếp lại công tác nhân sự, có kế hoạch bố trí lực lượng lao động cho phù hợp, tổ chức tuyển dụng và đào tạo công nhân có hiệu quả;
- Nộp ngân sách đầy đủ theo Luật định.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính thu được từ cổ phần hóa, huy động thêm vốn tín dụng từ các ngân hàng nhằm chủ động nguồn vốn cho sản xuất, đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

2. Kết quả thực hiện

2.1 Những thuận lợi và khó khăn

↕ Thuận lợi

- Quận Hoàn Kiếm có nhiều lợi thế, nhỏ, gọn, khách hàng tập trung dễ quản lý. Đây là quận có hoạt động dịch vụ thương mại, trung tâm của thủ đô với nhiều nhà hàng, khách sạn, khách hàng có nhu cầu sử dụng lớn như bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Phụ sản Trung ương... Nhu cầu dùng nước nhiều, đơn giá nước cao.
- Nguồn cấp nước thuận lợi, trong đó có nguồn nước tự sản xuất của trạm Đồn Thủy chiếm nguồn cấp vào Công ty **18%** nên Công ty đã chủ động điều tiết nguồn cấp nước, giá thành thấp đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

↕ Khó khăn

- Thời tiết diễn biến bất thường, nắng nóng gay gắt kéo dài ảnh hưởng đến việc cấp nước ổn định cho khách hàng.
- Hệ thống mạng lưới cấp nước tuy đã được cải tạo qua nhiều giai đoạn song vẫn chưa đồng bộ và còn một số khu vực chưa phù hợp như hai phường ngoài đê có độ chênh lệch cốt cao là những yếu tố khó khăn trong việc vận hành mạng lưới cấp nước.

- Một số khu vực vẫn còn ống thép tráng kẽm chưa được cải tạo đồng bộ như Ô 22B còn 7.536 m ống thép tráng kẽm chưa được cải tạo.
- Là quận trung tâm phố cổ nên công tác thay thế nâng cấp mạng đường ống nước, thay thế đồng hồ, di chuyển đồng hồ còn gặp nhiều khó khăn do việc cấp phép đào hè.
- Phát triển khách hàng hạn chế do dân cư phố cổ đã ổn định, các nhà hàng khách sạn bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế khó khăn chung dẫn đến kinh doanh không hiệu quả tác động trực tiếp tới nhu cầu sử dụng nước và doanh thu của Công ty. Mặt khác giá nước tăng nên khách hàng dùng nước sẽ tiết kiệm hơn.

2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

2.2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất 2015

Thực hiện cấp nước và tỷ lệ nước thu tiền

| TT | Chỉ tiêu | ĐV | KH theo nghị quyết ĐHCĐ | TH 8 tháng (từ 1/1 – 31/8/2015) | TH 4 tháng (từ 1/9 - 31/12/2015) | TH 2015 | % So với Nghị quyết ĐHCĐ |
|----|-----------------------------------|----------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|------------|--------------------------|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | 6= 4+5 | 7=6/3 |
| 1 | Nước SX | m ³ | 3.212.000 | 2.220.260 | 1.061.945 | 3.282.205 | 102,19 |
| 2 | Mua nước từ CT mẹ | m ³ | 14.597.868 | 9.452.212 | 4.830.744 | 14.282.959 | 97,84 |
| 3 | Tổng nguồn cấp | m ³ | 17.809.868 | 11.672.475 | 5.892.689 | 17.565.164 | 98,63 |
| 4 | Tỷ lệ nước thu tiền | % | 76,0 | 75,61 | 77,06 | 76,10 | 100,13 |
| 5 | M ³ nước thu được tiền | m ³ | 13.535.500 | 8.825.620 | 4.541.226 | 13.366.846 | 98,75 |

Doanh thu

| TT | Chỉ tiêu | ĐV | NQ ĐH CĐ 2015 | TH 2015 | Đạt % |
|----|-----------------------------------|------|-----------------|-----------------|--------|
| | Kinh doanh và dịch vụ nước | | | | |
| 1 | Đơn giá bán lẻ bình quân | đồng | 10.293 | 12.061 | 117,17 |
| 2 | Xây lắp + doanh thu tài chính | đồng | 1.506.888.754 | 2.245.353.485 | 149 |
| 3 | Doanh thu tiền nước | đồng | 139.317.000.000 | 140.245.741.366 | 100,67 |

Hiệu quả tài chính

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | NQ ĐH CĐ 2015 | Thực hiện 2015 | Đạt % |
|-----|--------------------------------|--------|-----------------|-----------------|--------|
| 1 | Vốn điều lệ | đồng | 55.000.000.000 | 55.000.000.000 | 100 |
| 2 | Doanh thu | đồng | 141.291.000.000 | 142.491.094.851 | 100,85 |
| 2.1 | Kinh doanh và dịch vụ nước | đồng | 139.317.000.000 | 140.245.741.366 | 100,67 |
| 2.2 | Xây lắp | đồng | 1.507.000.000 | 2.196.848.939 | 145,78 |
| 2.3 | Doanh thu tài chính | đồng | 467.000.000 | 48.504.546 | 10,39 |
| 3 | Đơn giá bán lẻ bình quân | đồng | 10.293 | 12.061 | 117,17 |
| 4 | Tổng chi phí | đồng | 132.383.000.000 | 124.187.918.261 | 93,81 |
| 5 | Nộp ngân sách | đồng | 12.909.000.000 | 21.129.774.925 | 163,68 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | đồng | 6.948.000.000 | 14.276.477.740 | 205,48 |
| 7 | Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | % | 12,60% | 25,95 | 206,01 |
| 8 | Lãi cơ bản/l cổ phiếu (EPS) | đồng | 1.263 | 2.595 | 205,46 |
| 9 | Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ | % năm | 9 | 9 | 100 |
| 10 | Lao động bình quân | Người | 115 | 112 | 97,39 |
| 11 | Thu nhập bình quân/người/tháng | đồng | 9.500.000 | 10.300.000 | 108,42 |

(**Ghi chú:** doanh thu và chi phí thực hiện tháng 9/2015 Công ty Mẹ ghi nhận 82,39%).

2.2.2 Kết quả thay đổi vốn định kỳ

| Nội dung | NQ ĐHCĐ năm 2015 | TH 2015 | Đạt % so với NQ ĐHCĐ năm 2015 |
|----------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------|
| Thay đổi vốn định kỳ | 1.500 | 1.865 | 124,3 |
| Tổng kinh phí(đồng) | 1.200.000.000 | 1.731.000.000 | |

2.2.3 Công nợ tiền nước

- Công nợ tiền nước: tổng nợ đến 2015: **439.115.717đ**, trong đó nợ tồn năm 2015: **419.070.580đ** chiếm **95,44%**. Nợ đến năm 2014: **20.045.137đ** chiếm **0,46%**.

6970
 NG T
 PHÂN
 KINH C
 C SÁCH
 HÀ NỘI
 M - T P

2.2.4 Kết quả đầu tư XDCB so với Nghị quyết ĐH cổ đông năm 2015

| TT | Dự án | ĐV tính | Tổng mức ĐT | Thực hiện | Ghi chú |
|------------------|---|---------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Cải tạo mạng lưới Ô 23C - KV1B | đồng | 3.500.000.000 | Quý IV/15 chuẩn bị đầu tư | Chuyển tiếp sang 2016 |
| 2 | Thử áp lực ống phân phối, dịch vụ và cải tạo mạng lưới Ô 22B - KV2 | đồng | 8.000.000.000 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp sang 2016 |
| 3 | Cải tạo mạng lưới Ô 23A - KV3 | đồng | 4.200.000.000 | Quý IV/15 CBĐT | Quý I/2016 triển khai thi công |
| 4 | Lắp đặt hệ thống đường truyền đồng hồ tổng Ô 22B(6 chiếc) | đồng | 700.000.000 | | Chuyển tiếp sang 2016 |
| 5 | Thay thế ống dịch vụ TTK bằng ống PEH 5 phôi(Ngõ Huyện, Nhà Chung, Chân Cầm, Lý Quốc Sư, Âu Triệu) | đồng | 1.036.246.000 | Đã thi công xong 2015 | |
| 6 | Đầu tăng cường nguồn Hàng Mắm | đồng | 134.635.000 | Đã thi công xong 2015 | Bổ sung KH do phục vụ cấp nước nguồn |
| Tổng cộng | | | 17.570.881.000 | | |

Trong đó năm 2015 kết quả thực hiện 4 tháng cuối năm đạt **1.170.881.000đ**:

- Thay ống TTK D50 bằng ống PEH phôi Lò Sũ, Nhà Chung, Âu Triệu, Lý Quốc Sư(theo tiến độ BQL): Tổng quyết toán **1.036.246.000đ**.
- Đầu tăng cường nguồn phân phối DN 160PVC Hàng Mắm vào truyền dẫn DN 315 Trần Nhật Duật: **134.635.000đ**

Còn lại các dự án đầu tư năm 2015 chưa thực hiện được theo kế hoạch trong năm 2015 Công ty cổ phần đi hoạt động chính thức từ 01/9/2015(4 tháng) nên các dự án hầu hết chậm tiến độ do ổn định tổ chức, xây dựng cơ chế quản lý doanh nghiệp...(so với kế

hoạch dự kiến thực hiện trong năm 2015 – 12 tháng).

3. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2014 | 4tháng 2015 | Ghi chú |
|-----------------------------------|----------|----------------|---------|
| Tổng giá trị tài sản | | 89.212.287.721 | |
| Doanh thu thuần | | 41.586.554.448 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | 4.583.336.507 | |
| Lợi nhuận khác | | 444.700 | |
| Lợi nhuận trước thuế | | 4.583.781.207 | |
| Lợi nhuận sau thuế | | 3.575.349.341 | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

| Chỉ tiêu | Năm 2014 | 4tháng 2015 | Ghi chú |
|---|----------|-------------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| • Hệ số thanh toán ngắn hạn | | 1.3 | |
| • Hệ số thanh toán nhanh | | 1.15 | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| • Hệ số Nợ/Tổng tài sản | | 0.34 | |
| • Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | | 0.52 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay hàng tồn kho</i> | | | |
| • Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | 8.97 | |
| • Doanh thu thuần /tổng tài sản | | 0.47 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh</i> | | | |
| • Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | | 0.09 | |
| • Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | | 0.06 | |
| • Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | | 0.04 | |
| • Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần. | | 0.11 | |

